

Phụ lục V

CHI TIẾT BỔ SUNG KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA KÉO DÀI TỪ NĂM 2025 SANG NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số: 317/NQ-HĐND ngày 13 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	ĐƠN VỊ	Kinh phí sự nghiệp năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026 sau điều chỉnh, bổ sung			Chi tiết nguồn vốn năm 2025 chuyển sang năm 2026				Ghi chú
		Tổng	Trong đó		Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		
			NSTW	NSDP	NSTW	NSDP	NSTW	NSDP	
	TỔNG	18.247,730	17.913,243	334,487	17.746,571	315,887	166,672	18,600	
	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030	18.247,730	17.913,243	334,487	17.746,571	315,887	166,672	18,600	
1	Xã Cao Minh	5.440	5.440		5.440				
2	Xã Nghiên Loan	2.160	2.160		2.160				
3	Xã Phúc Lộc	2.400	2.400		2.400				
4	Xã Văn Lang	1.440	1.440		1.440				
5	Xã Nghĩa Tá	1.600	1.600		1.600				
6	Xã Yên Phong	2.400	2.400		2.400				
7	Xã Trần Phú	1.440	1.440		1.440				
8	Xã Bằng Thành	1.367,730	1.033,243	334,487	866,571	315,887	166,672	18,600	